

Để đẩy mạnh thu hút FDI trong nông nghiệp

ĐỖ NHẤT HOÀNG*

Nông nghiệp vốn được coi là thế mạnh của Việt Nam, nhưng lĩnh vực này lại đứng trước thực tế chưa thu hút mạnh được nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Phải làm gì để ngành nông nghiệp không “đứng ngoài” cuộc trong làn sóng FDI đổ vào Việt Nam? Đây đang là bài toán khó đối với các nhà hoạch định chính sách.

THỰC TRẠNG THU HÚT FDI VÀO NÔNG NGHIỆP

Trong những năm đầu Việt Nam mở cửa, nguồn vốn FDI trong nông, lâm, ngư nghiệp (gọi tắt là nông nghiệp) chủ yếu hướng vào lĩnh vực chế biến gỗ và các loại lâm sản. Sau những năm 2000, nguồn vốn FDI được thu hút khá đồng đều vào lĩnh vực trồng trọt, lâm sản, mía đường, chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng rừng, sản xuất nguyên liệu giấy.

FDI vào nông nghiệp đã bước đầu đạt được một số thành tựu đáng khích lệ. Các dự án đã đem vào Việt Nam nhiều thiết bị, công nghệ tiên tiến, nhiều giống cây, con có năng suất và chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Nhiều dự án trở thành những mô hình làm ăn kiểu mới có hiệu quả cao để nông dân và các doanh nghiệp Việt Nam noi theo. Các doanh nghiệp FDI cũng đã tạo thêm việc làm cho hàng chục ngàn lao động nông nghiệp, hàng chục vạn lao động sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và nhiều loại hình dịch vụ khác. Sản phẩm của doanh nghiệp FDI được tiếp thị ở thị trường quốc tế một cách khá thuận lợi, góp phần đáng kể trong việc giới thiệu nông sản của Việt Nam trên thị trường thế giới, tạo điều kiện thâm nhập thị trường, nâng cao kim ngạch xuất khẩu chung của ngành.

Tuy nhiên, cũng cần phải thừa nhận, FDI vào lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn rất hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng, cũng như nhu cầu, thể hiện ở các điểm sau đây:

- FDI vào nông nghiệp chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu vốn FDI của toàn nền kinh tế (hơn 3%) và có xu hướng giảm. Bình quân mỗi năm, nông nghiệp thu hút được khoảng 20 dự án, với số vốn 130 triệu USD. Trên thực tế, nhịp độ thu hút FDI vào lĩnh vực nông nghiệp đã đạt mức cao trong giai đoạn 1991-2000, tuy nhiên, giai đoạn gần đây đã giảm mạnh. Nếu như cách đây 15 năm, FDI vào nông nghiệp chiếm 15% trong tổng vốn đầu tư FDI của cả nước, thì trong 3 năm gần đây chiếm chưa đến 0,5%.

- Chất lượng của các dự án FDI lĩnh vực nông nghiệp chưa cao, phần lớn là các dự án quy mô nhỏ. Nếu như quy mô vốn đầu tư bình quân một dự án FDI vào khoảng 14,7 triệu USD, thì một dự án FDI nông nghiệp chỉ đạt 6,6 triệu USD.

- Phân bổ vốn FDI trong nông nghiệp cũng không đồng đều. FDI tập trung

chủ yếu ở các dự án thu hồi vốn nhanh, như: chăn nuôi, chế biến thức ăn chăn nuôi, trồng rừng, chế biến gỗ và lâm sản. Trồng rừng và chế biến gỗ hiện chiếm khoảng 78% tổng vốn FDI vào nông nghiệp, trong khi các ngành chế biến nông sản, thủy sản còn rất khiêm tốn.

- Các dự án chủ yếu đến từ các nhà đầu tư của khu vực châu Á, nơi có nền công nghệ chưa thực sự phát triển cao, trong khi các nước phát triển, như: Mỹ, Nhật Bản, EU... còn ít.

Tính đến tháng 9/2014, cả nước có 514 dự án FDI trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 3,63 tỷ USD, chiếm 3,01% tổng số dự án và 1,5% tổng vốn đầu tư đăng ký. Nông nghiệp đứng thứ 9 trong số 18 ngành kinh tế đã có đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

* Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Email: hoangdn.mpi@gmail.com



Sản xuất nông nghiệp
Việt Nam chủ yếu
là quy mô nhỏ, phân
tán, thiếu tính liên
kết, chưa tạo ra sức
thu hút đầu tư của các
doanh nghiệp

VÌ SAO CHƯA THU HÚT ĐƯỢC NHIỀU?

Có thể kể đến những nguyên nhân khách quan sau khiến nhà đầu tư nước ngoài chưa đổ vốn nhiều vào nông nghiệp:

Thứ nhất, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp vốn tiềm ẩn nhiều rủi ro do lệ thuộc nhiều vào thời tiết, sản phẩm lại mang tính mùa vụ, dễ hư hỏng, thường xuyên bị rủi ro do thiên tai, dịch bệnh... Điều kiện thời tiết Việt Nam luôn thay đổi thất thường, thiên tai thường xuyên xảy ra nên rủi ro mang lại trong lĩnh vực này càng cao. Sản phẩm nông nghiệp thường có tỷ suất lợi nhuận thấp, mức thu nhập không cao.

Thứ hai, sản xuất nông nghiệp Việt Nam chủ yếu là quy mô nhỏ, phân tán, thiếu tính liên kết, phối hợp và không chuyên nghiệp, chưa tạo ra sức thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp FDI. Các vùng sản xuất chưa được chuyên môn hóa với kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ.

Thứ ba, kết cấu hạ tầng kinh tế, kỹ thuật ở nông thôn hiện nay rất kém, nhà đầu tư muốn “đến” với nông dân, buộc phải đầu tư thêm nhiều hạng mục ngoài công trình, chi phí lớn. Nhất là đối với ngành lâm nghiệp, do chủ yếu phát triển tại các vùng, miền địa hình đồi núi, giao thông vận tải khó khăn khiến nhiều doanh nghiệp FDI còn e ngại. Bên cạnh đó, số lượng lao động có tay nghề, được đào tạo bài bản về lĩnh vực nông nghiệp

hiện nay còn rất thấp. Hơn nữa, hệ thống sản xuất, tiêu thụ hàng nông sản còn bất cập, chúng ta chưa thiết lập được mối quan hệ giữa hộ nông dân với doanh nghiệp, chưa phát huy hết vai trò của các hiệp hội theo ngành hàng.

Bên cạnh các nguyên nhân khách quan, việc thu hút FDI đạt hiệu quả thấp còn xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan dưới đây:

- Cho đến nay, ngành nông nghiệp vẫn thiếu một chiến lược, định hướng dài hạn thu hút vốn FDI. Bản thân ngành nông nghiệp cũng chưa có cơ chế chọn lựa, đề xuất các dự án FDI ưu tiên trong ngành; danh mục dự án gọi vốn chưa bao quát hết nhu cầu; thông tin về từng dự án còn sơ lược, thiếu chuẩn xác.

- Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách đối với các nhà đầu tư FDI trong nông nghiệp thiếu rõ ràng và minh bạch. Các quy định của pháp luật hiện hành về thủ tục đầu tư và tổ chức hoạt động của các dự án FDI trong nông nghiệp chưa tính hết những đặc thù, như: chứa đựng nhiều rủi ro trong kinh doanh; khả năng tiên lượng về thị trường khó khăn; mối quan hệ giữa các tác nhân trong triển khai dự án phức tạp hơn so với dự án FDI trong công nghiệp, xây dựng và thương mại...

- Cơ chế, chính sách về ưu đãi, hỗ trợ cho dự án nông nghiệp vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu và công tác thực thi còn nhiều vấn đề bất cập. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, việc triển khai Nghị định này còn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc do vẫn còn thiếu các thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành.

- Quy hoạch vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến còn yếu và thiếu. Đây là yếu tố sống còn với doanh nghiệp chế biến, vì vậy doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này cần sử dụng nhiều đất đai để xây dựng vùng nguyên liệu. Tuy nhiên, trên thực tế tại các địa phương, đất đai đã được giao hết cho các hộ nông

dân với quy mô sản xuất manh mún, đầu tư phân tán, nhỏ lẻ, chạy theo thị trường khiến các cơ sở chế biến nông sản FDI luôn bị động về nguồn nguyên liệu.

- Tổ chức sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ nông sản ở Việt Nam còn nhiều vấn đề mâu thuẫn, phức tạp khó xử lý. Tình trạng mất cân đối giữa cung và cầu về nguyên liệu cho chế biến nông sản diễn ra phổ biến, liên tục và ngày càng nan giải. Tình trạng nông dân không gắn hoạt động sản xuất nông sản nguyên liệu của họ với hoạt động thu mua, chế biến của các doanh nghiệp đang đẩy tới tình trạng tranh chấp trong mua – bán nguyên liệu, gây bất lợi cho cả người nông dân lẫn các doanh nghiệp. Phần lớn nông sản (tới 90%) được tiêu thụ ở dạng tươi sống và chế biến thô, giá trị gia tăng thấp và không có thương hiệu, nguồn gốc Việt Nam.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Để ngành nông nghiệp không “đứng ngoài” trong làn sóng FDI đổ bộ vào Việt Nam, cần tập trung thực hiện một số nhóm giải pháp sau đây:

Về hỗ trợ, ưu đãi các dự án FDI trong nông nghiệp:

- Tăng cường các biện pháp hỗ trợ, như: cho nông dân vay vốn ưu đãi để đầu tư phát triển nguồn nguyên liệu nông sản phục vụ công nghiệp chế biến; hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản...

- Tiếp tục áp dụng biện pháp ưu đãi thuế thu nhập đối với các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất các loại giống mới, dự án phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Hướng dẫn kênh hỗ trợ vốn tín dụng ngân hàng cho các dự án FDI trong lĩnh vực nông nghiệp từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam để tạo nguồn vốn bổ sung cho các doanh nghiệp FDI đang triển khai một số dự án đầu tư tạo giống, sản xuất sản phẩm xuất khẩu...

- Áp dụng cơ chế bảo lãnh, thế chấp để doanh nghiệp FDI có dự án đầu tư vào lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư được tiếp cận thuận lợi.

Về công tác quy hoạch:

- Nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, từng sản phẩm theo hướng gắn kết với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển đặt ra trong “Kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn thời kỳ 2015-2020, định hướng 2030” của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cũng như định hướng thu hút, sử dụng vốn FDI. Căn cứ các quy hoạch nói trên, các ngành, địa phương cần xây dựng các danh mục dự án nông nghiệp ưu tiên gọi vốn FDI, làm cơ sở cho việc tổ chức các chương trình vận động đầu tư.

- Chính quyền địa phương chủ động quy hoạch vùng nguyên liệu nông sản cho nhà đầu tư gắn với các hình thức chuyển giao quyền sử dụng đất từ nông dân sang nhà đầu tư. Bố trí vốn ngân sách hoặc các nguồn vay ODA của Việt Nam để đầu tư giải phóng mặt bằng tại các vùng dự án triển khai.

Về đất đai, mặt nước:

- Mở rộng và đảm bảo quyền lợi của người nông dân trong việc chuyển giao quyền sử dụng đất cho nhà đầu tư, đi đôi với đảm bảo khả năng sử dụng đất ổn định theo quy hoạch của nhà đầu tư. Áp dụng hình thức kết hợp giữa nhà đầu tư và nông dân để triển khai dự án: người nông dân góp đất đai và sức lao động, nhà đầu tư bỏ vốn và công nghệ.

- Từng địa phương cần tiến hành quy hoạch lại việc sử dụng các loại đất của các dự án FDI trong nông nghiệp và xác định kế hoạch sử dụng đất lâu dài cho từng dự án.

Về phát triển vùng nguyên liệu:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn dưới hình thức cho nhà đầu tư FDI vay để xây dựng các hạng mục kết cấu hạ tầng phần cứng và phần mềm cần thiết, sử dụng lâu dài tại vùng nguyên liệu. Cung cấp tín dụng ưu đãi cho nông dân và doanh nghiệp để đầu tư trực tiếp vào cây trồng, tạo vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu kinh doanh có hiệu quả.

- Chính quyền địa phương có vùng nguyên liệu của dự án FDI có trách nhiệm bảo vệ và duy trì các vùng nguyên liệu đã quy hoạch cho dự án FDI, nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ nguyên liệu tập trung cho nhà đầu tư. Đồng thời, cũng phải xác định quyền và trách nhiệm cho nhà đầu tư trong việc đưa ra các biện pháp bảo vệ vùng nguyên liệu của họ.

Về phát triển nguồn nhân lực:

Nhà nước cần phát triển hệ thống đào tạo nghề ở nông thôn, hệ thống khuyến nông, chuyển giao kỹ thuật, kiến thức về kinh tế và thị trường cho người lao động tại chỗ, trong đó có lao động làm việc cho FDI.

Về công tác xúc tiến đầu tư:

- Ngành nông nghiệp cần phát triển một hệ thống quản lý và xúc tiến FDI đối với các doanh nghiệp ở những nước, vùng lãnh thổ có tiềm năng đầu tư vào nông nghiệp, đẩy mạnh quảng bá hình ảnh nông nghiệp Việt trong mắt bạn bè thế giới.

- Bên cạnh đó, cần coi việc hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai có hiệu quả các dự án FDI đã được cấp giấy phép đầu tư (xúc tiến đầu tư tại chỗ). Đây là một biện pháp tốt nhất để xây dựng hình ảnh, nâng cao sự hiểu biết của nhà đầu tư nước ngoài về sức hấp dẫn trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam. □